

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/KDTM-PT

Ngày: 16 – 4 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán, thi công và lắp đặt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Ông Trương Thanh Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2025/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, thi công và lắp đặt.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Tổng Công ty Cổ phần C**

Trụ sở: Số A, đường G, phường K, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình T – Chức vụ: Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kiến Q, sinh năm 1982 – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công trình C, thuộc Tổng CTCP Công trình C (theo văn bản ủy quyền số 790/GUQ-VCC ngày 05/02/2024). Địa chỉ chi nhánh: Số B, đường Q, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2**

Địa chỉ: Số G, đường T, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1991 - Chức vụ:
Giám đốc. Địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:***

Trong thời gian cuối năm 2021 và đầu năm 2022, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (gọi tắt là Công ty T2) với Tổng Công ty cổ phần C (gọi tắt là Tổng Công ty C) có ký kết các Hợp đồng như sau:

Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 201201-KD/HĐMBLĐ-2021/CNKTBLU-LINHYENPHI công trình lắp đặt hệ thống điều hoà treo tường và máy tính để bàn ngày 20/12/2021, giá trị hợp đồng là 387.580.000 đồng.

Hợp đồng thi công hệ thống cửa toà nhà số 220201-HT/HĐXL-2022/VCC-LINHYENPHI ngày 22/02/2022, giá trị hợp đồng là 1.700.740.600 đồng.

Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 200601-KD/HĐMB-2022/VCC-LINHYENPHI công trình lắp đặt hệ thống laptop và tivi không đề ngày trong năm 2022, giá trị hợp đồng là 135.510.000 đồng.

Ngoài ra, Tổng công ty C còn thi công thêm hệ thống mạng và camera cho Công ty T2 theo biên bản nghiệm thu ngày 25/6/2022 với giá trị là 55.670.000 đồng.

Đối với nội dung đơn khởi kiện có trình bày phụ lục HĐ 200601-KD/HĐMB-2022/VCC-LINHYENPHI ngày 25/6/2022 thì tổng công ty C xin đính chính lại không có phụ lục này mà là biên bản nghiệm thu ngày 25/6/2022.

Tổng Công ty C đã lắp đặt thi công và giao các hàng hoá cho Công ty T2 theo đúng thoả thuận trong hợp đồng nên giữa Tổng Công ty C và Công ty T2 đã tiến hành nghiệm thu, thanh lý các công trình và Công ty T2 đã đưa vào sử dụng từ ngày 25/6/2022

Tuy nhiên, tính đến nay phía Công ty T2 chỉ mới thanh toán cho Tổng Công ty C theo các Hợp đồng trên cụ thể như sau:

Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 201201-KD/HĐMBLĐ-2021/CNKTBLU-LINHYENPHI công trình lắp đặt hệ thống điều hoà treo tường

và máy tính để bàn ngày 20/12/2021, giá trị hợp đồng là 387.580.000 đồng, thanh toán được 98.600.000 đồng, còn nợ lại 288.980.000 đồng.

Hợp đồng thi công hệ thống cửa toà nhà số 220201-HT/HĐXL-2022/VCC-LINHYENPHI ngày 22/02/2022, giá trị hợp đồng là 1.700.740.600 đồng, giá trị khi quyết toán hợp đồng theo biên bản thanh lý hợp đồng thi công là 1.789.859.300 đồng, thanh toán được 500.000.000 đồng, còn nợ lại 1.289.859.000 đồng.

Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 200601-KD/HĐMB-2022/VCC-LINHYENPHI công trình lắp đặt hệ thống laptop và tivi không đề ngày trong năm 2022, giá trị hợp đồng là 135.510.000 đồng, thanh toán được 0 đồng, còn nợ lại 135.510.000 đồng.

Tổng Công ty C còn thi công thêm hệ thống mạng và camera cho Công ty T2 theo biên bản nghiệm thu ngày 25/6/2022 với giá trị là 55.670.000 đồng, thanh toán được 0 đồng, còn nợ lại 55.670.000 đồng.

Vào ngày 14/9/2022 và ngày 13/11/2022, giữa Tổng Công ty C với Công ty T2 đã có buổi làm việc và đối chiếu công nợ với nhau, Công ty T2 thừa nhận còn nợ lại Tổng Công ty C tổng số tiền là 1.770.019.300 đồng.

Tuy nhiên đến nay, phía Công ty T2 không thanh toán được cho Tổng Công ty C số tiền nào, nay Tổng công ty C yêu cầu khởi kiện Công ty T2 phải thanh toán các giá trị còn lại của hợp đồng trên và lãi phạt chậm trả với tổng số tiền là 1.911.620.844 đồng, trong đó nợ gốc theo hợp đồng là 1.770.019.300 đồng, lãi phạt vi phạm do chậm trả là 141.601.544 đồng. Đối với yêu cầu nếu trường hợp Công ty T2 không thanh toán thì Chi nhánh Công trình C yêu cầu được thu hồi toàn bộ sản phẩm hàng hóa, vật tư, thiết bị mà phía chi nhánh đã cung cấp và thi công cho Công ty T2 thì Tổng Công ty cổ phần C xin rút lại yêu cầu này, không yêu cầu trong vụ án này. Không có bổ sung yêu cầu nào khác.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2024, ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án trình bày:***

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty cổ phần C. Công ty T2 đồng ý thanh toán các giá trị còn lại của hợp đồng và lãi phạt chậm trả với tổng số tiền là 1.911.620.844 đồng (trong đó nợ gốc là 1.770.019.300 đồng, lãi chậm trả là 141.601.544 đồng. Đối với yêu cầu nếu trường hợp Công ty T2 không thanh toán thì Chi nhánh Công trình C yêu cầu được thu hồi toàn bộ sản phẩm hàng hóa, vật tư, thiết bị mà phía chi nhánh đã

cung cấp và thi công cho Công ty T2 thì Công ty T2 không đồng ý vì nội dung này không có trong Hợp đồng đã thoả thuận.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của của Tổng công ty cổ phần C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 về việc yêu cầu nếu trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 không thanh toán nợ thì Chi nhánh Công trình Viettel yêu cầu được thu hồi toàn bộ sản phẩm hàng hóa, vật tư, thiết bị mà phía chi nhánh đã cung cấp và thi công cho Công ty T2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty cổ phần C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, thi công và lắp đặt.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 Yến Phi có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty cổ phần C tổng số tiền là 1.911.620.844 đồng, trong đó nợ gốc là 1.770.019.300 đồng và tiền phạt vi phạm là 141.601.544 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2024 và ngày 08/11/2024, ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 có đơn kháng cáo bản án. Theo đó, ông T1 kháng cáo một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không buộc Công ty T2 trả số tiền phạt vi phạm là 141.601.544 đồng và tiền án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 đã được xem xét bằng Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 do ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện theo pháp luật vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong thời gian cuối năm 2021 và đầu năm 2022, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (gọi tắt là Công ty T2) với Tổng Công ty Cổ phần C (gọi tắt là Tổng Công ty C) có ký kết các Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 201201-KD/HĐMBLĐ-2021/CNKTBLU-LINHYENPHI công trình lắp đặt hệ thống điều hoà treo tường và máy tính để bàn ngày 20/12/2021, giá trị hợp đồng là 387.580.000 đồng.

- Hợp đồng thi công hệ thống cửa toà nhà số 220201-HT/HĐXL-2022/VCC-LINHYENPHI ngày 22/02/2022, giá trị hợp đồng là 1.700.740.600 đồng.

- Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 200601-KD/HĐMB-2022/VCC-LINHYENPHI công trình lắp đặt hệ thống laptop và tivi không đề ngày trong năm 2022, giá trị hợp đồng là 135.510.000 đồng.

- Ngoài ra, Tổng công ty C còn thi công thêm hệ thống mạng và camera cho Công ty T2 theo biên bản nghiệm thu ngày 25/6/2022 với giá trị là 55.670.000 đồng.

Tổng công ty C đã lắp đặt thi công và giao các hàng hoá cho Công ty T2 như thỏa thuận trong hợp đồng và giữa 02 bên đã tiến hành nghiệm thu, thanh lý các công trình và Công ty T2 đã đưa vào sử dụng từ ngày 25/6/2022.

Tuy nhiên, tính đến nay phía Công ty T2 chỉ mới thanh toán cho Tổng công ty C theo các Hợp đồng trên cụ thể như sau:

- Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 201201-KD/HĐMBLĐ-2021/CNKTBLU-LINHYENPHI ngày 20/12/2021, thanh toán được 98.600.000 đồng, còn nợ lại 288.980.000 đồng.

- Hợp đồng thi công hệ thống cửa toà nhà số 220201-HT/HĐXL-2022/VCC-LINHYENPHI ngày 22/02/2022, thanh toán được 500.000.000 đồng, còn nợ lại 1.289.859.000 đồng.

- Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 200601-KD/HĐMB-2022/VCC-LINHYENPHI năm 2022, chưa thanh toán, còn nợ lại 135.510.000 đồng.

- Hệ thống mạng và camera, chưa thanh toán, còn nợ lại 55.670.000 đồng.

Vào ngày 14/9/2022 và ngày 13/11/2022, giữa Tổng công ty C với công ty T2 đã có buổi làm việc và đối chiếu công nợ với nhau, công ty T2 thừa nhận còn nợ lại Tổng công ty C tổng số tiền là 1.770.019.300 đồng và tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2024 và đơn kháng cáo ngày 08/11/2024, ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty cổ phần C và đồng ý thanh toán các giá trị còn lại của hợp đồng là 1.770.019.300 đồng. Xét thấy đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền này là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trong trường hợp Công ty T2 không thanh toán nợ thì Chi nhánh Công trình Viettel yêu cầu được thu hồi toàn bộ sản phẩm hàng hóa, vật tư, thiết bị mà phía chi nhánh đã cung cấp và thi công cho Công ty T2 thì nguyên đơn đã rút lại yêu cầu này, cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn đã rút là phù hợp.

[3] *Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án, không chấp nhận phạt vi phạm do chậm trả với số tiền 141.601.544 đồng và tiền án phí.* Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ các Hợp đồng đã ký kết thể hiện nếu bên công ty T2 chậm thanh toán theo hợp đồng sẽ bị phạt 0,05% giá trị hợp đồng và 0,1%/ngày số ngày chậm

6

thanh toán tuy nhiên tổng mức phạt không quá 8% số tiền chậm thanh toán. Căn cứ Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 201201-KD/HĐMBLĐ-2021/CNKTBLU-LINHYENPHI ngày 20/12/2021, được nghiệm thu ngày 25/6/2022; Hợp đồng thi công hệ thống cửa toà nhà số 220201-HT/HĐXL-2022/VCC-LINHYENPHI ngày 22/02/2022 được nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu trong năm 2022; Hợp đồng mua bán và lắp đặt thiết bị số 200601-KD/HĐMB-2022/VCC-LINHYENPHI năm 2022, được nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu ngày 25/6/2022 và căn cứ biên bản nghiệm thu thi công hệ thống mạng và camera ngày 25/6/2022. Xét thấy các hợp đồng đều được nghiệm thu trong năm 2022 nhưng đến nay phía Công ty T2 chưa thanh toán nợ cho Tổng công ty C là có vi phạm thoả thuận. Các bên có lập các biên bản làm việc vào các ngày 12/6/2022, ngày 14/9/2022 và ngày 13/11/2022. Theo đó biên bản làm việc vào ngày 13/11/2022 ý kiến bên Công ty T2 cam kết thanh toán 50% số tiền còn lại trước ngày 28/11/2022 và thanh toán toàn bộ số tiền còn lại trước ngày 20/12/2022. Tuy nhiên đơn kháng cáo ngày 08/11/2024, ông T1 cho rằng các bên cùng thống nhất Công ty T2 trả hết nợ trong vòng 12 tháng là đến ngày 13/11/2023 và sau 12 tháng không trả dứt nợ còn lại sẽ được phát sinh tính thêm lãi nhưng ông bị sự cố và bị bắt tạm giam để điều tra trong vụ án hình sự là ngày 29/9/2023 nên việc thanh toán tiền cho V không xử lý được là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ theo như cam kết trong biên bản làm việc vào ngày 13/11/2022 thì Công ty T2 cam kết thanh toán toàn bộ số tiền còn lại trước ngày 20/12/2022, không có nội dung nào các bên thỏa thuận thống nhất Công ty T2 trả hết nợ trong vòng 12 tháng là đến ngày 13/11/2023 như ông T1 đã trình bày trong đơn kháng cáo, trong khi ông T1 xác định đến ngày 29/9/2023 ông mới bị bắt tạm giam nên thời điểm này đã sau thời hạn cam kết thanh toán toàn bộ số tiền còn lại trước ngày 20/12/2022 như biên bản làm việc vào ngày 13/11/2022 và không rơi vào trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan như ông trình bày. Mặt khác tại biên bản làm việc ngày 12/6/2022 và ngày 14/9/2022 cũng không có nội dung các bên cùng thống nhất Công ty T2 trả hết nợ trong vòng 12 tháng là đến ngày 13/11/2023 và tại biên bản ghi lời khai ngày 08/5/2024 ông T1 cũng thống nhất Công ty T2 đồng ý thanh toán số tiền lãi theo như yêu cầu của Tổng công ty C. Đồng thời số tiền lãi phạt chậm thanh toán 141.601.544 đồng tương ứng là 8% số tiền nợ chậm thanh toán là phù hợp với Điều 301 Luật Thương Mại nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ. Đối với án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, do có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là phù hợp.

[4] Bị đơn cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và từ những phân tích nêu

trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu 69.348.500 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu 2.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 2; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 24; khoản 1 và khoản 2 Điều 50; Điều 301; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2. Giữ nguyên bản án 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty cổ phần C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 về việc Chi nhánh Công trình Viettel được quyền yêu cầu được thu hồi toàn bộ sản phẩm hàng hóa, vật tư, thiết bị mà phía chi nhánh đã cung cấp và thi công cho Công ty T2 trong trường hợp Công ty T2 không thanh toán nợ.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty cổ phần C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, thi công và lắp đặt.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 Yên Phi có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty cổ phần C tổng số tiền là 1.911.620.844 đồng (*Một tỷ, chín trăm mười một triệu, sáu trăm hai mươi ngàn, tám trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 1.770.019.300 đồng và tiền phạt vi phạm là 141.601.544 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

3.1 Án phí sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu 69.348.500 đồng.

Tổng Công ty cổ phần C không phải chịu án phí. Tổng Công ty cổ phần C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 32.550.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002428 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

3.2 Án phí phúc thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu 2.000.000đ. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.000.000đ theo biên lai số 0000045 ngày 10/02/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố Bạc Liêu;
- CCTHADS thành phố Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều

